

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng thực hiện tại bộ phận một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng;

Căn cứ Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

Căn cứ Thông tư 05/2018/TT-NHNN ngày 12/3/2018 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi, danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm nhân sự của tổ chức tín dụng là hợp tác xã;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng và Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng thực hiện tại bộ phận một cửa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

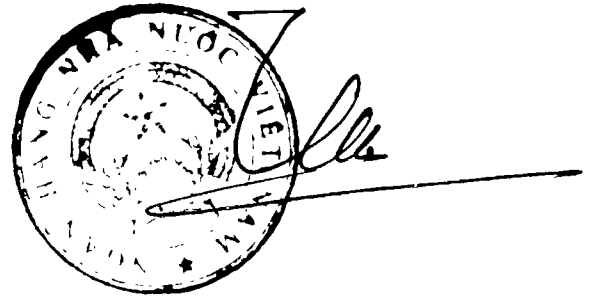
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các Vụ, Cục, đơn vị có liên quan, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Cục KSTTHC-VPCP (để p/h);
- Lưu: VP, VP4, TTGSNH6.

THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC



Dào Minh Tú



THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THAY THẾ, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC CẤP PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THỰC HIỆN TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 234/QĐ-NHNN ngày 11 tháng 02 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Tên VBQPPL quy định nội dung thủ tục hành chính	Đơn vị thực hiện
A. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam				
1	Thủ tục chấp thuận chuyển đổi phòng giao dịch thành chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.	Thành lập và hoạt động ngân hàng.	Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
2	Thủ tục chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng	Thành lập và hoạt động ngân hàng.	Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 Quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục chấp nhận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
B. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố				
1	Thủ tục thông báo khai trương	Thành lập và hoạt động ngân hàng	Thông tư số 53/2018/TT-	Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan

	hoạt động chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.	hàng.	NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;	Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.
2	Thủ tục thông báo khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.	Thành lập và hoạt động ngân hàng.	Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;	Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.
3	Thủ tục thông báo thay đổi tên chi nhánh; tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.	Thành lập và hoạt động ngân hàng.	Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;	Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

C. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng

1	Thủ tục thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.	Thành lập và hoạt động ngân hàng.	Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng.
2	Thủ tục thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh do	Thành lập và hoạt động ngân hàng.	Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố

thay đổi địa giới hành chính (không thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh) của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.	tháng 12 năm 2018 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;	hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng.
---	---	---

2. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam						
1	B-NHA-003784-TT	Thủ tục chấp thuận mở chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng phi ngân hàng nước ngoài;	Thủ tục chấp thuận thành lập chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; Thủ tục chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.	Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;	Cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)
2	B-NHA-003776-TT	Thủ tục chấp thuận mở chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong nước.				
B. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng						
3	B-NHA-003787-	Thủ tục chấp thuận chấm dứt hoạt động của	Thủ tục tự nguyện chấm dứt	Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày	Cấp phép thành	Ngân hàng Nhà nước chi

	TT	chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong nước.	hoạt động, giải thể chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.	31 tháng 12 năm 2018 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;	lập và hoạt động ngân hàng.	nhánh tỉnh, thành phố hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng
--	----	---	--	--	-----------------------------	--

3. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	B-NHA-003825-TT	Đăng ký mở phòng giao dịch của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;	Thành lập và hoạt động ngân hàng.	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng
2	B-NHA-003699-TT	Thủ tục chấp thuận thành lập công ty chứng khoán của ngân hàng thương mại	Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 Quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục chấp nhận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ	Thành lập và hoạt động ngân hàng.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

			chức tín dụng		
3	B-NHA-104452-TT	Thủ tục chấp thuận thành lập Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc ngân hàng thương mại cổ phần	Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 Quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục chấp nhận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng	Thành lập và hoạt động ngân hàng.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
4	B-NHA-003700-TT	Thủ tục chấp thuận thành lập Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc ngân hàng thương mại nhà nước	Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 Quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục chấp nhận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng	Thành lập và hoạt động ngân hàng.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
5	B-NHA-285062-TT	Thủ tục chấp thuận mở chi nhánh của công ty kiểu hời trực thuộc ngân hàng thương mại cổ phần	Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 Quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục chấp nhận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng	Thành lập và hoạt động ngân hàng.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
6	B-NHA-183520-TT	Thủ tục chấp thuận thành lập công ty kiểu hời trực thuộc ngân hàng thương mại cổ phần	Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 Quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục chấp nhận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng	Thành lập và hoạt động ngân hàng.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
7	B-NHA-	Thủ tục chấp thuận thay đổi	Thông tư 05/2018/TT-	Thành lập và hoạt	Ngân hàng Nhà

	003107 -TT	Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị của Quỹ tín dụng Nhân dân	NHNN ngày 12/3/2018 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi, danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm nhân sự của tổ chức tín dụng là hợp tác xã	động ngân hàng.	nước chi nhánh tỉnh, thành phố hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng
--	---------------	--	--	-----------------	---

**PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THỰC HIỆN TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

A. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Thủ tục chấp thuận thành lập chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập 01 bộ hồ sơ theo quy định đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng sửa đổi, bổ sung hồ sơ;

Bước 3: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Quá thời hạn này, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải nộp lại bộ hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 53/2018/TT-NHNN để Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận;

Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản lấy ý kiến:

(i) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng đặt trụ sở chính (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) về việc tổ chức tín dụng phi ngân hàng đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ;

(ii) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tín dụng phi ngân hàng dự kiến thành lập chi nhánh về sự cần thiết có thêm chi nhánh trên địa bàn;

Bước 5: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, các đơn vị được lấy ý kiến có văn bản tham gia ý kiến.

Bước 6: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ ý kiến tham gia của các đơn vị được lấy ý kiến, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc tổ chức tín dụng phi ngân hàng thành lập chi nhánh.

Bước 7: Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị

thành lập chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc tổ chức tín dụng phi ngân hàng thành lập chi nhánh. trường hợp không chấp thuận, văn bản nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa)

+ Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích)

- Thành phần hồ sơ:

1. Văn bản của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thành lập chi nhánh theo mẫu Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 53/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018.

2. Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng phi ngân hàng hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

3. Đề án thành lập chi nhánh, trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tên viết tắt bằng tiếng Việt, địa chỉ trụ sở, nội dung hoạt động;

b) Lý do thành lập và lựa chọn địa bàn thành lập;

c) Cơ cấu tổ chức: sơ đồ tổ chức của chi nhánh, dự kiến nhân sự chủ chốt (Giám đốc, Phó giám đốc, Trưởng các bộ phận chuyên môn);

d) Nghiên cứu khả thi: phân tích môi trường kinh doanh, thị trường mục tiêu, các cơ hội kinh doanh và kế hoạch chiếm lĩnh thị trường;

đ) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu bao gồm: dự kiến bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả kinh doanh; căn cứ xây dựng phương án và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có nhu cầu thành lập chi nhánh.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận thành lập chi nhánh của ngân tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn bản đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo mẫu Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 53/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018.

- **Yêu cầu, điều kiện:**

1. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị) được phép thành lập không quá 03 chi nhánh trong 01 năm tài chính khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định.

b) Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị. Điều kiện này không áp dụng đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng nộp hồ sơ đề nghị vào năm thứ hai tính từ ngày khai trương hoạt động;

c) Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động;

d) Tại thời điểm đề nghị không vi phạm quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

đ) Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị và tại thời điểm đề nghị không vượt quá 4% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc trong từng thời kỳ;

e) Tại thời điểm đề nghị Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát có số lượng và cơ cấu theo đúng quy định của pháp luật, không bị khuyết chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc);

g) Tại thời điểm đề nghị không vi phạm quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ; phân loại tài sản có và dự phòng rủi ro;

h) Có Quy chế về quản lý mạng lưới theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ;

i) Có Đề án thành lập đơn vị mạng lưới.

2. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có thời gian hoạt động dưới 12 tháng (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị) được phép thành lập không quá 02 chi nhánh khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định;

b) Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm gần nhất thời điểm đề nghị không vượt quá 4% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc trong từng thời kỳ;

c) Các quy định tại điểm c, d, e, g, h, i tại khoản 1 Điều 7 Thông tư 53/2018/TT-NHNN.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017.

+ Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

PHỤ LỤC
TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG
PHI NGÂN HÀNG
Số:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THÀNH LẬP CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI
DIỆN/ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG
PHI NGÂN HÀNG

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng... đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận đủ điều kiện thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp như sau:

I. Đơn vị mạng lưới đề nghị

Thành lập chi nhánh:

1. Tên:

- a. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có).
- b. Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có); tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có).

2. Địa điểm đặt trụ sở.

II. Đánh giá việc tổ chức tín dụng phi ngân hàng đáp ứng từng điều kiện để được thành lập chi nhánh

1. Đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

1.1. Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị:.....

1.2. Lợi nhuận sau thuế của năm trước liền kề năm đề nghị:

- Theo báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán:..... tỷ đồng.
- Theo báo cáo tài chính riêng lẻ đã được kiểm toán:..... tỷ đồng.

1.3. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động:

- a. Đảm bảo
- b. Không đảm bảo

1.4. Tại thời điểm đề nghị không vi phạm quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng:

- a. Đảm bảo
- b. Không đảm bảo

1.5. Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước liền kề năm đề nghị và thời điểm đề nghị (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm trước năm đề nghị và thời điểm gần nhất thời điểm đề nghị (nếu có)):

1.6. Tại thời điểm đề nghị Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng phi ngân hàng có số lượng và cơ cấu đảm bảo theo quy định của pháp luật, không bị khuyết chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc):

a. Đảm bảo

b. Không đảm bảo

- Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên:

STT	Họ và tên	Đại diện vốn góp (tên tổ chức, tỷ lệ vốn góp/vốn điều lệ)	Chức danh (Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập)	Thành viên là người điều hành (có/không)	Tên người có liên quan tham gia HĐQT, HĐTV
1.					
2.					

- Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách)
1.		
2.		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

1.7. Tại thời điểm đề nghị không vi phạm quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ; phân loại tài sản có và dự phòng rủi ro:

a. Đảm bảo

b. Không đảm bảo

1.8. Có Quy chế mạng lưới theo quy định:

a. Đảm bảo

b. Không đảm bảo

1.9. Có Đề án thành lập mạng lưới theo quy định:

a. Đảm bảo

b. Không đảm bảo

2. Đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng có thời gian hoạt động dưới 12 tháng kể từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

2.1. Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm đề nghị:.....

2.2. Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm gần nhất thời điểm đề nghị:

a. Đảm bảo

b. Không đảm bảo

2.3. Các nội dung tại điểm 1.3, 1.4, 1.6 đến điểm 1.9 khoản 1 Mục II Phụ lục này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG

(Ký tên và đóng dấu)

2. Thủ tục chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập 01 bộ hồ sơ theo quy định đề nghị chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

Bước 2: Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng sửa đổi, bổ sung hồ sơ;

Bước 3: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Quá thời hạn này, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải nộp lại bộ hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 53/2018/TT-NHNN để Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận;

Bước 4: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc tổ chức tín dụng phi ngân hàng thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

Bước 5: Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc tổ chức tín dụng phi ngân hàng thành lập chi nhánh. trường hợp không chấp thuận, văn bản nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

- + Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa)
- + Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích)

- Thành phần hồ sơ:

1. Văn bản của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo mẫu Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 53/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018.

2. Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng phi ngân hàng hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

3. Đề án thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài (nếu có); tên viết tắt bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài (nếu có); địa chỉ; nội dung hoạt động;

b) Lý do, nhu cầu thành lập;

c) Dự kiến nhân sự chủ chốt (Giám đốc, Phó giám đốc, Trưởng các bộ phận chuyên môn, người đứng đầu văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp);

d) Kế hoạch hoạt động dự kiến trong 03 năm đầu.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có nhu cầu thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của ngân tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn bản đề nghị chấp thuận thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng theo mẫu Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 53/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018.

- **Yêu cầu, điều kiện:**

1. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị) được phép thành lập không quá 03 chi nhánh trong 01 năm tài chính khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định.

b) Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động;

c) Tại thời điểm đề nghị Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát có số lượng và cơ cấu theo đúng quy định của pháp luật, không bị khuyết chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc);

d) Tại thời điểm đề nghị không vi phạm quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ; phân loại tài sản có và dự phòng rủi ro;

e) Có Quy chế về quản lý mạng lưới theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ;

g) Có Đề án thành lập đơn vị mạng lưới.

2. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có thời gian hoạt động dưới 12 tháng (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị) được phép thành lập không quá 02 chi nhánh khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định;

b) Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động;

c) Tại thời điểm đề nghị Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát có số lượng và cơ cấu theo đúng quy định của pháp luật, không bị khuyết chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc);

d) Tại thời điểm đề nghị không vi phạm quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ; phân loại tài sản có và dự phòng rủi ro;

e) Có Quy chế về quản lý mạng lưới theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ;

g) Có Đề án thành lập đơn vị mạng lưới.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017.

+ Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

PHỤ LỤC

TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG
PHI NGÂN HÀNG
Số:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THÀNH LẬP CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng... đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận đủ điều kiện thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện/đơn vị sự nghiệp như sau:

I. Đơn vị mạng lưới đề nghị

Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp:

1. Tên:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có).
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có); tên viết tắt bằng tiếng Anh (nếu có).

2. Địa điểm đặt trụ sở.

II. Đánh giá việc tổ chức tín dụng phi ngân hàng đáp ứng từng điều kiện để được thành lập chi nhánh

1. Đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

1.1. Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị:.....

1.2. Lợi nhuận sau thuế của năm trước liền kề năm đề nghị:

- Theo báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán:..... tỷ đồng.
- Theo báo cáo tài chính riêng lẻ đã được kiểm toán:..... tỷ đồng.

1.3. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động:

- a. Đảm bảo b. Không đảm bảo

1.4. Tại thời điểm đề nghị không vi phạm quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng:

- a. Đảm bảo b. Không đảm bảo

1.5. Tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm 31 tháng 12 năm trước liền kề năm đề nghị và thời điểm đề nghị (theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm trước năm đề nghị và thời điểm gần nhất thời điểm đề nghị (nếu có)):

1.6. Tại thời điểm đề nghị Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng phi ngân hàng có số lượng và cơ cấu đảm bảo theo quy định của pháp luật, không bị khuyết chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc):

a. Đảm bảo

b. Không đảm bảo

- Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên:

STT	Họ và tên	Đại diện vốn góp (tên tổ chức, tỷ lệ vốn góp/vốn điều lệ)	Chức danh (Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập)	Thành viên là người điều hành (có/không)	Tên người có liên quan tham gia HĐQT, HĐTV
1.					
2.					

- Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách)
3.		
4.		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

1.7. Tại thời điểm đề nghị không vi phạm quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ; phân loại tài sản có và dự phòng rủi ro:

a. Đảm bảo

b. Không đảm bảo

1.8. Có Quy chế mạng lưới theo quy định:

a. Đảm bảo

b. Không đảm bảo

1.9. Có Đề án thành lập mạng lưới theo quy định:

a. Đảm bảo

b. Không đảm bảo

2. Đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng có thời gian hoạt động dưới 12 tháng kể từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

2.1. Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm đề nghị:.....

2.2. Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm gần nhất thời điểm đề nghị:

a. Đảm bảo

b. Không đảm bảo

2.3. Các nội dung tại điểm 1.3, 1.4, 1.6 đến điểm 1.9 khoản 1 Mục II Phụ lục này.

III. Đánh giá việc tổ chức tín dụng phi ngân hàng đáp ứng từng điều kiện để được thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

1. Đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

Các nội dung tại điểm 1.1, 1.3, 1.6 đến điểm 1.9 khoản 1 Mục II Phụ lục này.

1. Đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

1.1. Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị:.....

1.2. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động:

a. Đảm bảo

b. Không đảm bảo

1.3. Tại thời điểm đề nghị Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng phi ngân hàng có số lượng và cơ cấu đảm bảo theo quy định của pháp luật, không bị khuyết chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc):

a. Đảm bảo

b. Không đảm bảo

- Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên:

STT	Họ và tên	Đại diện vốn góp (tên tổ chức, tỷ lệ vốn góp/vốn điều lệ)	Chức danh (Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập)	Thành viên là người điều hành (có/không)	Tên người có liên quan tham gia HĐQT, HĐTV
1.					
2.					

- Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách)
5.		
6.		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

1.4. Tại thời điểm đề nghị không vi phạm quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ; phân loại tài sản có và dự phòng rủi ro:

a. Đảm bảo

b. Không đảm bảo

1.5. Có Quy chế mạng lưới theo quy định:

a. Đảm bảo

b. Không đảm bảo

1.6. Có Đề án thành lập mạng lưới theo quy định:

a. Đảm bảo

b. Không đảm bảo

2. Đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng có thời gian hoạt động dưới 12 tháng kể từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị:

2.1. Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động:

a. Đảm bảo

b. Không đảm bảo

2.2. Tại thời điểm đề nghị Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng phi ngân hàng có số lượng và cơ cấu đảm bảo theo quy định của pháp luật, không bị khuyết chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc):

a. Đảm bảo

b. Không đảm bảo

- Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên:

STT	Họ và tên	Đại diện vốn góp (tên tổ chức, tỷ lệ vốn góp/vốn điều lệ)	Chức danh (Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập)	Thành viên là người điều hành (có/không)	Tên người có liên quan tham gia HĐQT, HĐTV
1.					

2.					
----	--	--	--	--	--

- Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh (Trưởng ban, thành viên, thành viên chuyên trách)
7.		
8.		

- Họ và tên Tổng giám đốc (Giám đốc):...

2.3. Tại thời điểm đề nghị không vi phạm quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ; phân loại tài sản có và dự phòng rủi ro:

a. Đảm bảo

b. Không đảm bảo

2.4. Có Quy chế mạng lưới theo quy định:

a. Đảm bảo

b. Không đảm bảo

2.5. Có Đề án thành lập mạng lưới theo quy định:

a. Đảm bảo

b. Không đảm bảo

2.6. Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm đề nghị:.....

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng cam kết: chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp tại văn bản này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC
TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG**

(Ký tên và đóng dấu)

3. Thủ tục chấp thuận chuyển đổi phòng giao dịch thành chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập 01 bộ hồ sơ theo quy định đề nghị chấp thuận chuyển đổi phòng giao dịch thành chi nhánh gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng). Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển đổi phòng giao dịch thành chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc tổ chức tín dụng phi ngân hàng chuyển đổi phòng giao dịch thành chi nhánh. Trường hợp không chấp thuận, văn bản nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa)

+ Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích)

- Thành phần hồ sơ:

1. Văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận chuyển đổi phòng giao dịch thành chi nhánh, trong đó nêu rõ: việc đáp ứng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ; kế hoạch chuyển đổi đảm bảo tính liên tục trong hoạt động và quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan;

2. Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng phi ngân hàng thông qua việc chuyển đổi phòng giao dịch thành chi nhánh hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

3. Tài liệu chứng minh việc đáp ứng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Thông tư số 53/2018/TT-NHNN .

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có nhu cầu chuyển đổi phòng giao dịch thành chi nhánh.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận chuyển đổi phòng giao dịch thành chi nhánh của ngân tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Lệ phí:** Không.
- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không
- **Yêu cầu, điều kiện:** Đáp ứng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Thông tư số 53/2018/TT-NHNN cụ thể như sau:

(i) Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp trụ sở chi nhánh; trụ sở phải đảm bảo lưu trữ chứng từ, thuận tiện và an toàn cho giao dịch, an toàn tài sản, có đầy đủ hệ thống đảm bảo an ninh, bảo vệ, hệ thống cấp điện, liên lạc duy trì liên tục hoạt động, đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy nổ;

(ii) Trụ sở chi nhánh có kho tiền theo quy định của Ngân hàng Nhà nước hoặc kết quỹ đảm bảo an toàn;

(iii) Chi nhánh có hệ thống công nghệ thông tin kết nối trực tuyến với trụ sở chính đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu hoạt động liên tục, an toàn, bảo mật cho các hoạt động nghiệp vụ và thực hiện báo cáo thống kê;

(iv) Chi nhánh có đầy đủ nhân sự điều hành tối thiểu gồm Giám đốc, Phó giám đốc chi nhánh và đội ngũ cán bộ nghiệp vụ;

(v) Giám đốc chi nhánh đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 50 Luật các tổ chức tín dụng và quy định nội bộ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017.

+ Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

4. Thủ tục chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức tín dụng lập 02 bộ hồ sơ theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng). Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng bổ sung hồ sơ.

Bước 2: Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản kèm hồ sơ gửi lấy ý kiến:

a) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính về việc đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018;

b) Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước về việc góp vốn, mua cổ phần, chuyển nợ thành vốn góp của tổ chức tín dụng (nếu cần thiết).

Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, các đơn vị được lấy ý kiến quy định tại Bước 2 có ý kiến bằng văn bản gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng về các nội dung được lấy ý kiến.

Bước 4: Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến các đơn vị có liên quan, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thẩm định hồ sơ và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận hoặc không chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần, chuyển nợ thành vốn góp theo đề nghị của tổ chức tín dụng.

Bước 5: Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần, chuyển nợ thành vốn góp của tổ chức tín dụng; trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa)

+ Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích)

- Thành phần hồ sơ:

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 (trừ công ty con, công ty liên kết là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản) gồm:

a) Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018;

- b) Văn bản của cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần;
- c) Đề án của tổ chức tín dụng về việc góp vốn, mua cổ phần, trong đó tối thiểu bao gồm những nội dung sau:
- (i) Tên (bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài), địa chỉ trụ sở chính của tổ chức tín dụng thực hiện góp vốn, mua cổ phần;
 - (ii) Tên (bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài), địa chỉ trụ sở chính, nội dung hoạt động, thời hạn hoạt động của doanh nghiệp nhận góp vốn, mua cổ phần;
 - (iii) Lý do, sự cần thiết của việc góp vốn, mua cổ phần;
 - (iv) Dự kiến số tiền góp vốn, tỷ lệ vốn góp; dự kiến số cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần tại doanh nghiệp nhận góp vốn, mua cổ phần;
 - (v) Vốn điều lệ, giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tín dụng trước khi thực hiện góp vốn, mua cổ phần;
 - (vi) Dự kiến vốn điều lệ, giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tín dụng thực hiện góp vốn, mua cổ phần tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần;
 - (vii) Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ của từng tháng trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị;
 - (viii) Tình hình chấp hành quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, góp vốn, mua cổ phần trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị;
 - (ix) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu trong 12 tháng liền kề (đối với trường hợp góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty liên kết) hoặc 24 tháng liền kề (đối với trường hợp góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con) trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần theo chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước;
 - (x) Tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần trong 12 tháng liền kề (đối với trường hợp góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty liên kết) hoặc 24 tháng liền kề (đối với trường hợp góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con) trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần theo chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước;
 - (xi) Cơ cấu tổ chức của tổ chức tín dụng; cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - (xii) Cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn của công ty con, công ty liên kết sau khi được thành lập, mua lại bởi tổ chức tín dụng theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(xiii) Đánh giá tác động của việc góp vốn, mua cổ phần đến tình hình tài chính, quản trị, điều hành và hoạt động của tổ chức tín dụng;

d) Báo cáo tài chính của năm liền kề trước năm đề nghị của tổ chức tín dụng đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập;

đ) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp nhận góp vốn, mua cổ phần.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản gồm:

a) Các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, đ khoản 1 Điều 5 Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018;

b) Đề án của tổ chức tín dụng về việc góp vốn, mua cổ phần, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung quy định tại điểm c(i), c(ii), c(iii), c(iv) và c(vii) khoản 1 Điều 5 Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 và thông tin về tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần theo chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần đối với doanh nghiệp khác hoạt động trong các lĩnh vực quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 gồm:

a) Các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, d, đ khoản 1 Điều 5 Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018;

b) Đề án của tổ chức tín dụng về việc góp vốn, mua cổ phần, trong đó tối thiểu bao gồm những nội dung quy định tại điểm c(i), c(ii), c(iii), c(iv), c(v), c(vi), c(vii), c(viii), c(xi), c(xii), c(xiii) khoản 1 Điều 5 Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 và các nội dung sau:

(i) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần theo chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước;

(ii) Tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần theo chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước;

(iii) Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị.

4. Hồ sơ đề nghị chấp thuận việc chuyển nợ thành vốn góp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 gồm:

a) Các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 5 Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp có khoản nợ được chuyển thành vốn góp;

c) Đề án của tổ chức tín dụng về việc góp vốn, mua cổ phần, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung quy định tại điểm c(i), c(ii), c(iii), c(iv), c(v), c(vi), c(viii), c(xi), c(xii), c(xiii) khoản 1 Điều 5 Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 và các thông tin sau:

(i) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần theo chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước;

(ii) Tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần theo chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước;

(iii) Thông tin về khoản nợ được chuyển thành vốn góp, gồm: Thực trạng của khoản nợ được dự kiến chuyển thành vốn góp (số dư của khoản nợ, nhóm nợ, khả năng thu hồi khoản nợ); Số vốn góp, tỷ lệ vốn góp hoặc số cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần được hình thành từ việc chuyển nợ thành vốn góp.

- **Số lượng hồ sơ:** 02 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng (bao gồm ngân hàng thương mại và công ty tài chính).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Văn bản đề nghị chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần theo Phụ lục tại Thông tư 51/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018.

- **Yêu cầu, điều kiện:**

1. Điều kiện thực hiện góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 (trừ công ty con là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản):

a) Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng có nội dung hoạt động góp vốn, mua cổ phần;

b) Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 130 Luật các tổ chức tín dụng trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần theo chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước;

c) Đảm bảo tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 129 Luật các tổ chức tín dụng trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần theo chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước;

d) Giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần không thấp hơn mức vốn pháp định;

đ) Kết quả hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính của năm liền kề trước năm đề nghị đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập;

e) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, góp vốn, mua cổ phần trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị;

g) Có tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ nhỏ hơn 3% trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị;

h) Có cơ cấu tổ chức, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Điều kiện thực hiện góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty liên kết quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 (trừ công ty liên kết là công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản):

a) Các điều kiện quy định tại điểm a, d, đ, e, g, h khoản 1 Điều 4 Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018;

b) Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 130 Luật các tổ chức tín dụng trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần theo chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước;

c) Đảm bảo tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 129 Luật các tổ chức tín dụng trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị và tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần theo chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước.

3. Điều kiện thực hiện góp vốn, mua cổ phần để thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản:

a) Điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018;

b) Đảm bảo tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 129 Luật các tổ chức tín dụng tại thời điểm hoàn tất việc góp vốn, mua cổ phần theo chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước;

c) Có tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ trên 3% trong 12 tháng liền kề trước tháng đề nghị.

4. Điều kiện thực hiện góp vốn, mua cổ phần đối với doanh nghiệp khác hoạt động trong các lĩnh vực quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018:

a) Các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018;

b) Đảm bảo tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 130 Luật các tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng Nhà nước trong 24 tháng liền kề trước tháng đề nghị.

5. Điều kiện thực hiện chuyển nợ thành vốn góp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018:

a) Các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, h khoản 1 Điều 4 Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018;

b) Khoản nợ được chuyển thành vốn góp phải là khoản nợ xấu và việc chuyển nợ thành vốn góp là để xử lý khoản nợ xấu. Nợ xấu là nợ được xác định theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

+ Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2018/TT-NHNN ngày .../12/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng)

Tên của TCTD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)

Căn cứ Thông tư số .../2018/TT-NHNN ngày .../12/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng (nêu rõ tên) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần như sau:

1. Thông tin chung về công ty con, công ty liên kết, doanh nghiệp được thành lập, mua lại, nhận vốn góp, nhận chuyển nợ thành vốn góp của tổ chức tín dụng:

a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt; tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có); tên viết tắt (nếu có);

b) Địa chỉ hiện nay hoặc địa chỉ dự kiến (trường hợp công ty con, công ty liên kết, doanh nghiệp mới được đề nghị thành lập);

c) Mức vốn điều lệ hoặc mức vốn điều lệ dự kiến (trường hợp công ty con, công ty liên kết, doanh nghiệp mới được đề nghị thành lập);

d) Nội dung hoạt động hoặc nội dung hoạt động dự kiến (trường hợp công ty con, công ty liên kết, doanh nghiệp mới được đề nghị thành lập);

đ) Thời hạn hoạt động hoặc thời hạn hoạt động dự kiến (trường hợp công ty con, công ty liên kết, doanh nghiệp mới được đề nghị thành lập).

2. Tổ chức tín dụng (nêu rõ tên) cam kết:

- Các thông tin cung cấp trong hồ sơ đề nghị chấp thuận việc góp vốn, mua cổ phần là chính xác, trung thực;

- Đáp ứng các điều kiện để được thực hiện góp vốn, mua cổ phần, chuyển nợ thành vốn góp theo quy định tại Thông tư số 51/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018;

- Khoản nợ được chuyển thành vốn góp là khoản nợ xấu và việc chuyển nợ thành vốn góp là để xử lý nợ xấu (đối với trường hợp chuyển nợ thành vốn góp để xử lý nợ xấu).

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TCTD

(Ký tên và đóng dấu)

(Ghi chú: Mẫu văn bản này chỉ quy định những nội dung chủ yếu cần có, ngân hàng thương mại, công ty tài chính có thể bổ sung thêm các nội dung khác nếu thấy cần thiết)

**B. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,
Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố**

1. Thủ tục thông báo khai trương hoạt động chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Trình tự thực hiện:

+ Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) nơi đặt trụ sở chi nhánh về việc đáp ứng yêu cầu khai trương hoạt động chi nhánh chậm nhất 15 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai trương hoạt động chi nhánh;

+ Tổ chức tín dụng phi ngân hàng tiến hành khai trương chi nhánh sau khi đã đáp ứng yêu cầu tại điểm a khoản 2 Điều 10 Thông tư số 53/2018/TT-NHNN, hoàn tất thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh theo quy định của pháp luật, công bố thông tin theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 53/2018/TT-NHNN.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa)

+ Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích)

- Thành phần hồ sơ: Không.

- Số lượng hồ sơ: Không.

- Thời hạn giải quyết: Không.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng).

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không.

- Lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

- Yêu cầu, điều kiện:

a) Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp trụ sở chi nhánh; trụ sở phải đảm bảo lưu trữ chứng từ, thuận tiện và an toàn cho giao dịch, an toàn tài sản, có đầy đủ hệ thống đảm bảo an ninh, bảo vệ, hệ thống cấp điện, liên lạc duy trì liên tục hoạt động, đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy nổ;

b) Trụ sở chi nhánh có kho tiền theo quy định của Ngân hàng Nhà nước hoặc kết quỹ đảm bảo an toàn;

c) Chi nhánh có hệ thống công nghệ thông tin kết nối trực tuyến với trụ sở chính đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu hoạt động liên tục, an toàn, bảo mật cho các hoạt động nghiệp vụ và thực hiện báo cáo thống kê;

d) Chi nhánh có đầy đủ nhân sự điều hành tối thiểu gồm Giám đốc, Phó giám đốc chi nhánh và đội ngũ cán bộ nghiệp vụ;

e) Giám đốc chi nhánh đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 50 Luật các tổ chức tín dụng và quy định nội bộ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

a) Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017.

b) Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

2. Thủ tục thông báo khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Trình tự thực hiện:

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản thông báo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chậm nhất 15 ngày làm việc trước ngày khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa)

+ Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích)

- **Thành phần hồ sơ:** Không.

- **Số lượng hồ sơ:** Không.

- **Thời hạn giải quyết:** Không.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng).

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017.

+ Thông tư số 31/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

3. Thủ tục thông báo thay đổi tên chi nhánh; tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Trình tự thực hiện:

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản thông báo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp về việc thay đổi này trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức tín dụng phi ngân hàng quyết định việc thay đổi.

Trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp khác địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản thông báo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trước đây và nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp mới.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa)

+ Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích)

- **Thành phần hồ sơ:** Không.

- **Số lượng hồ sơ:** Không.

- **Thời hạn giải quyết:** Không.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017.

+ Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

4. Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Trình tự thực hiện:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải có văn bản thông báo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chính của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, trong đó nêu rõ lý do, ngày chấm dứt hoạt động, giải thể.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa)

+ Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích)

- **Thành phần hồ sơ:** văn bản thông báo của tổ chức tín dụng phi ngân hàng trong đó nêu rõ lý do, ngày chấm dứt hoạt động, giải thể.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Không.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017.

+ Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

C. Thủ tục hành chính thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng

1. Thủ tục thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) nơi đặt trụ sở chi nhánh đề nghị thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Thanh tra giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng phi ngân hàng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) nơi đặt trụ sở chi nhánh có văn bản gửi tổ chức tín dụng phi ngân hàng chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh; trường hợp không chấp thuận, văn bản phải nêu rõ lý do.

Bước 3: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản báo cáo Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) nơi đặt trụ sở chi nhánh về việc đáp ứng yêu cầu quy định chậm nhất 15 ngày làm việc trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận.

2. Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa)

+ Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích)

- Thành phần hồ sơ:

1. Văn bản của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung: địa điểm hiện tại; địa điểm dự kiến chuyển đến đảm bảo đáp ứng yêu cầu quy định; kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động;

2. Nghị quyết của Hội đồng thành viên hoặc nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc thông qua thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Ngân hàng Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) nơi đặt trụ sở chi nhánh.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện:**

Tổ chức tín dụng phi ngân hàng chỉ được thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh trong phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi chi nhánh đặt trụ sở và địa điểm dự kiến thay đổi phải đáp ứng các yêu cầu:

a. Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp trụ sở chi nhánh; trụ sở phải đảm bảo lưu trữ chứng từ, thuận tiện và an toàn cho giao dịch, an toàn tài sản, có đầy đủ hệ thống đảm bảo an ninh, bảo vệ, hệ thống cấp điện, liên lạc duy trì liên tục hoạt động, đáp ứng yêu cầu phòng, chống cháy nổ;

b. Trụ sở chi nhánh có kho tiền theo quy định của Ngân hàng Nhà nước hoặc kết quỹ đảm bảo an toàn;

c. Chi nhánh có hệ thống công nghệ thông tin kết nối trực tuyến với trụ sở chính đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu hoạt động liên tục, an toàn, bảo mật cho các hoạt động nghiệp vụ và thực hiện báo cáo thống kê;

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017.

+ Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

2. Thủ tục thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh do thay đổi địa giới hành chính (không thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh) của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng có văn bản đề nghị Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) xác nhận thay đổi địa chỉ chi nhánh gửi kèm các tài liệu chứng minh về việc thay đổi địa chỉ.

Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng nơi đặt trụ sở chi nhánh có văn bản gửi tổ chức tín dụng phi ngân hàng xác nhận việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa)

+ Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích)

- Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị xác nhận thay đổi địa chỉ chi nhánh;

b) Tài liệu chứng minh về việc thay đổi địa chỉ.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Ngân hàng Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) nơi đặt trụ sở chi nhánh.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản xác nhận việc thay đổi địa chỉ đặt trụ sở chi nhánh.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017.

+ Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

3. Thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức tín dụng phi ngân hàng lập 01 bộ hồ sơ theo quy định đề nghị chấp thuận chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh theo quy định gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng nơi đặt trụ sở chi nhánh.

Bước 2: Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc tổ chức tín dụng phi ngân hàng chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh. Trường hợp không chấp thuận, văn bản nêu rõ lý do.

Bước 3: Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng) hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, tổ chức tín dụng phi ngân hàng phải tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật để chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh đối với chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh về thời điểm cụ thể và kết quả chấm dứt hoạt động, giải thể.

- Cách thức thực hiện:

+ Trụ sở cơ quan hành chính (trực tiếp tại Bộ phận Một cửa)

+ Qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính công ích)

- Thành phần hồ sơ:

a) Văn bản của tổ chức tín dụng phi ngân hàng đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, trong đó nêu rõ: lý do chấm dứt hoạt động, giải thể; tên, địa chỉ của chi nhánh chấm dứt hoạt động, giải thể và cam kết giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh chấm dứt hoạt động, giải thể;

b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng phi ngân hàng về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh

hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tín dụng phi ngân hàng;

c) Phương án giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh chấm dứt hoạt động, giải thể.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng), Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

- **Yêu cầu, điều kiện:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017.

+ Thông tư số 53/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.